

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-12-2025
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lâm

Bà Nguyễn Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường M, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Trương B, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Xóm 3, Thôn 4, xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Nơi ở hiện nay: Khu phố P, phường M, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Bà H và ông B sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 01/7/2004, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm đầu, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông B không lo làm ăn, không phụ gia đình chăm lo cho con cái. Mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra trong thời gian dài, cả hai không giải quyết được mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau hơn 05 năm nay. Bà H cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên nộp đơn khởi kiện xin ly hôn và đã thông báo cho ông B biết nhưng ông B không về cùng giải quyết. Do đó, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà H và ông B có một con chung là Trương K - sinh ngày 11/11/2003. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trương B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Trương B và bị đơn cư trú tại địa phận phường M, tỉnh Đồng Nai nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 01/7/2004, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cũng như tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xét thấy tuy không xác định được trong quá trình chung sống giữa bà H và ông B có xảy ra mâu thuẫn hay không nhưng thực tế bà H và ông B đã không sống chung với nhau trong thời gian dài, không có sự quan tâm, chăm sóc cho nhau, bản thân ông B biết việc bà H xin ly hôn và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có bất cứ động thái nào cho thấy có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong khi đó bà H nhất quyết xin ly hôn vì cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[4] Về con chung: Bà H và ông B có một con chung là Trương K - sinh ngày 11/11/2003. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6 Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Trương B.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0028977 ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh B Phước.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 11 – Đồng Nai
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND p. M, tỉnh Đồng Nai
- (Số 67, ngày 01/7/2004);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án (10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Vân